

Bản án số: 295/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-10-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diệm
2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vương Thúy Tr, sinh năm 1971 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Đ3, xã HT, huyện H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Liễu Anh T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Đ3, xã HT, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Thúy Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn ngày 10/01/1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S huyện K tỉnh G. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không dung hòa được các mối quan hệ, có mâu thuẫn với gia đình chồng (cô chồng hà khắc khó chịu với bà khiến cuộc sống ngọt ngào, khó chịu), ông T có thái độ vô tình, thiếu trách nhiệm ... Bà Tr cố gắng nhiều để hàn gắn tình cảm và chung sống với gia đình chồng thuận hòa nhưng không có kết quả. Vì quá mệt mỏi và không thể chung sống được nữa nên bà Tr đã ra ở riêng từ tháng 01/2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm không còn đủ để bà Tr níu kéo, vượt qua khó khăn để chung sống nữa. Thời gian qua, ông T cũng không thay đổi được gì nên bà Tr cương quyết yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Con chung tên Liễu Vương T H1 sinh ngày 12/10/1997 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà Tr không có yêu cầu gì. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được nuôi con chung tên Liễu Đình T H2 sinh ngày 07/11/2006 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Tại Bản tự khai bị đơn ông Liễu Anh T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Tr kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SoPai huyện K' Bang tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có những bất đồng nhưng không lớn, ông vẫn chăm sóc cho gia đình, lo lắng cho vợ con, không xảy ra sự cố gì. Ông không có tật xấu hay hành động gì khiến vợ phải bức xúc. Ông T cho rằng không có vấn đề gì nghiêm trọng để phải ly hôn nên mong muốn vợ chồng hòa giải không ly hôn để đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Con chung tên Liễu Vương T H1 sinh ngày 12/10/1997 đã trưởng thành, tự lo cho bản thân được, không bị bệnh tật gì. Nếu bà Tr cương quyết ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Liễu Đình T H2 sinh ngày 07/11/2006 và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của bà Tr, cho bà Tr và ông T ly hôn; giao con chung tên H1 cho bà Tr nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con; về tài sản các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; bà Tr phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Liễu Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Ông T cho rằng vợ chồng ông không có vấn đề gì nghiêm trọng để phải ly hôn và mong muốn vợ chồng hòa giải không ly hôn để đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nhưng trong thời gian qua, ông T không hàn gắn được tình cảm với bà Tr, vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ chung sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, không tiến hành đối chất giữa ông với bà Tr về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn được. Có thể thấy, ông T mong muốn đoàn tụ nhưng ông lại không có biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn tình cảm với bà Tr và sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật. Bà Tr vẫn giữ nguyên ý kiến về nguyên nhân mâu thuẫn, khẳng định không còn tình cảm, không thể chung sống với ông T được nữa và cương quyết yêu cầu ly hôn. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Tr ly hôn ông T là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[3] Về nuôi con: Cháu Liễu Vương T H1 sinh ngày 12/10/1997 đã thành niên, có khả năng tự lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên các bên không có yêu cầu gì. Riêng cháu Liễu Đình T H2 sinh ngày 07/11/2006 chưa thành niên nên sau khi bà Tr và ông T ly hôn, cần có người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Tr và ông T đều yêu cầu nuôi cháu H2 nhưng nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với bà Tr. Vì vậy, giao cháu Liễu Đình T H2 sinh ngày 07/11/2006 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Tr tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng qui định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà Vương Thúy Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Vương Thúy Tr. Cho ly hôn giữa bà Vương Thúy Tr và ông Liễu Anh T.

2. Về nuôi con:

2.1. Cháu Liễu Vương T H1 sinh ngày 12/10/1997 đã thành niên, có khả năng tự lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không cần người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bà Tr và ông T ly hôn. Giao cháu Liễu Đình T H2 sinh ngày 07/11/2006 cho bà Vương Thúy Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vương Thúy Tr không yêu cầu ông Liễu Anh T cấp dưỡng cho con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Vương Thúy Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005026 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định; bà Tr đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng